

ÔN TẬP VỀ THƠ

I. Lập bảng thống kê các tác phẩm thơ hiện đại Việt Nam đã học trong sách Ngữ văn 9.

1. Lập bảng thống kê.

T T	Tên bài	Tác giả	Năm sáng tác	Thể thơ	Tóm tắt nội dung	Đặc sắc nghệ thuật
1.	<i>Đồng chí</i>	Chính Hữu	1948	Tự do	Vẻ đẹp chân thực, giản dị của anh bộ đội thời chống Pháp và tình đồng chí sâu sắc cảm động.	Chi tiết, hình ảnh tự nhiên, giản dị, cô đọng, gợi cảm.
2.	<i>Đoàn thuyền đánh cá</i>	Huy Cận	1958	7 chữ	Vẻ đẹp tráng lệ, giàu màu sắc lãng mạn của thiên nhiên vũ trụ, vũ trụ và con người lao động mới.	Từ ngữ giàu hình ảnh, sử dụng các biện pháp ẩn dụ, nhân hoá.
3.	<i>Con cò</i>	Chế Lan Viên	1982	Tự do	Ca ngợi tình mẹ và ý nghĩa lời ru đối với cuộc sống con người.	Vận dụng sáng tạo ca dao. Biện pháp ẩn dụ, triết lí sâu sắc.
4.	<i>Bếp lửa</i>	Bằng Việt	1963	7 chữ, 8 chữ	Tình cảm bà cháu và hình ảnh người bà giàu tình thương, giàu đức hi sinh.	Hồi tưởng kết hợp với cảm xúc, tự sự, bình luận.

5.	<i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính</i>	Phạm Tiến Duật	1969	Tự do	Vẻ đẹp hiên ngang, dũng cảm của người lính lái xe Trường Sơn.	Ngôn ngữ bình dị, giọng điệu và hình ảnh thơ độc đáo.
6.	<i>Khúc hát ru em bé lớn trên lưng mẹ</i>	Nguyễn Khoa Điềm	1971	Tự do	Tình yêu thương con và ước vọng của người mẹ Tà Ôi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.	Giọng thơ tha thiết, hình ảnh giản dị, gần gũi.
7.	<i>Viếng lăng Bác</i>	Viễn Phương	1976	7 chữ, 8 chữ	Lòng thành kính và xúc động sâu sắc đối với Bác khi vào thăm lăng Bác.	Giọng điệu trang trọng, thiết tha, sử dụng nhiều ẩn dụ gợi cảm.
8.	<i>Ánh trăng</i>	Nguyễn Duy	1978	5 chữ	H/ả ánh trăng trong tp, nhớ lại những năm tháng đã qua của c/đ người lính c.đầu gắn bó với TN, với ánh trăng, với đ.nước thân yêu & bình dị, nhắc nhở thái độ sống nghĩa tình thủy chung.	H/ả bình dị, từ thơ ngữ ngôn bất ngờ mà bình dị., hợp lý, giọng điệu chân tình mà nhỏ nhẹ thấm sâu.
9	<i>Nói với con</i>	Y Phương	Sau 1975	5 chữ	Tình cảm gia đình ấm cúng, truyền thống cần cù, sức sống mạnh mẽ của quê hương và dân tộc, sự gắn bó với truyền thống.	Từ ngữ hình ảnh giàu sức gợi cảm.

10	<i>Mùa xuân nho nhỏ</i>	Thanh Hải	1980	5 chữ	Cảm xúc trước mùa xuân của thiên nhiên, vũ trụ và khát vọng làm cho mùa xuân nhỏ dâng hiến cho đời.	Hình ảnh đẹp, gợi cảm, so sánh và ẩn dụ sáng tạo, gần gũi dân ca.
11	<i>Sang thu</i>	Hữu Thỉnh	1991	5 chữ	Những cảm nhận tinh tế của tác giả về sự chuyển biến nhẹ nhàng của thiên nhiên từ cuối hạ sang thu.	Hình ảnh thơ giàu sức gợi cảm.

2. Sắp xếp các tác phẩm theo các giai đoạn văn học

1945 - 1954: *Đồng chí*

1955 - 1964: *Đoàn thuyền đánh cá, Bếp lửa, Con cò.*

1965 - 1975: *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ, Bài thơ về tiểu đội xe không kính.*

1975- nay: *Ánh trăng, Viếng lăng Bác, Mùa xuân nho nhỏ, Nói với con. Sang thu.*

II. Các đề tài lớn, điểm chung và riêng của mỗi tác phẩm.

1. Đề tài về tình mẹ con

a. Những điểm chung: Ca ngợi tình mẹ con thấm thiết thiêng liêng, gần gũi.

b. Nét riêng biệt:

- “*Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ*”: Sự thống nhất về tình mẹ con với lòng yêu nước, gắn bó với cách mạng và ý chí chiến đấu của người mẹ dân tộc Tà - Ôi trong hoàn cảnh hết sức gian khổ ở chiến khu miền Tây - Thừa Thiên Huế trong kháng chiến chống Mỹ.

- *Con cò*”: Khai thác và phát triển ý thơ từ hình tượng con cò quen thuộc trong bài ca dao hát ru để ca ngợi tình mẹ và ý nghĩa lời ru.

- “*Mây và sóng*”: Nhà thơ hoá thân vào lời trò chuyện hồn nhiên ngây thơ của em bé với mẹ, thể hiện tình yêu mẹ thấm thiết. Mẹ đối với em là vẻ đẹp là niềm vui, sự hấp dẫn lớn nhất, sâu xa và vô tận hơn tất cả những điều hấp dẫn khác trong vũ trụ.

2. Đề tài về những lính và tình đồng đội:

+ *Đồng chí* - Chính Hữu

+ *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* - Phạm Tiến Duật.

+ *Ánh trăng* - Nguyễn Duy

- Nét chung: 3 bài đều viết về hình ảnh người lính với vẻ đẹp tâm hồn đáng quý nhưng cách khai thác của mỗi bài khác nhau.

- Nét riêng:

+ *Đồng chí*: Viết về người lính ở thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp, họ là những người nông dân mặc áo lính: cùng chung cảnh ngộ - cùng sẻ chia gian khổ - cùng lý tưởng chiến đấu, đây chính là cơ sở tạo nên sức mạnh của tình đồng chí đồng đội.

+ *Bài thơ về tiểu đội xe không kính*:

Viết về người chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn chống Mỹ với tinh thần dũng cảm bất chấp mọi khó khăn gian khổ, niềm lạc quan - họ là hình ảnh tiêu biểu cho thế hệ trẻ trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

+ *Ánh trăng*: Tâm sự của người lính đã đi qua hai cuộc chiến tranh, nay đã sống giữa thành phố trong hòa bình - gọi lại những kỷ niệm gắn bó của người lính với đất nước với đồng đội trong những năm tháng gian lao đấu tranh nhắc nhở đạo lý thủy chung nghĩa tình.

III. Nghệ thuật sáng tạo hình ảnh thơ

Các bài thơ sử dụng bút pháp nghệ thuật khác nhau trong xây dựng hình ảnh thơ:

+ *Đồng chí*: Bút pháp hiện thực - những chi tiết hiện thực - hình ảnh thực của cuộc sống người lính và thơ gần như là trực tiếp. Hình ảnh đẹp giàu ý nghĩa biểu tượng “đầu súng trăng treo”.

- *Đoàn thuyền đánh cá*: Bút pháp hiện thực kết hợp lãng mạn, tượng trưng, phóng đại với nhiều liên tưởng - tưởng tượng - so sánh mới mẻ độc đáo.

- *Bài thơ về tiểu đội xe không kính*:

Sử dụng bút pháp hiện thực - miêu tả cụ thể sinh động những chiếc xe không kính.

- *Ánh trăng*: Có nhiều hình ảnh chi tiết thực, bình dị, bút pháp gợi tả là chủ yếu, không đi vào chi tiết mà hướng tới khái quát biểu tượng.

Tóm lại, mỗi bút pháp có giá trị riêng phù hợp với tư tưởng cảm xúc của bài thơ và phong cách riêng của mỗi tác giả

***Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Học thuộc các bài thơ.

-Chọn một bài thơ yêu thích để viết cảm nhận của em về bài thơ đó. Gửi mail, zalo, messenger cho gv văn của lớp. (dangthidanthanh@gmail.com (9.1, 9.4) tuonglam2000@gmail.com (9.2), mailinhchuthi@gmail.com (9.3, 9.7), Lindanguyen1504@gmail.com (9.5), dangthianh12@gmail.com (9.6).

- Chuẩn bị bài: Nghĩa tường minh và hàm ý(TT).